TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hanh phúc**
Số: 105 /2020/QĐST- HNGĐ	*TP. Ninh Bình, ngày 23 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2020/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** - **Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Ngọc A**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: đường T, phố 10, phường Đ, thành phố N, tỉnh N1.

- **Bị đơn: Anh Phùng Trọng H**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: đường T, phố 10, phường Đ, thành phố N, tỉnh N1.

- Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị Ngọc A và Anh Phùng Trọng H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a, Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Ngọc A và anh Phùng Trọng H thống nhất thuận tình ly hôn.

b, Về con chung: Chị Vũ Thị Ngọc A và anh Phùng Trọng H có 01 con chung là cháu Phùng Minh K sinh ngày 05/3/2014. Chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở và có quyền yêu cầu xin thay đổi việc nuôi con chung.

c, Về tài sản chung và công nợ chung: Chị A, anh H tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

d.Về án phí ly hôn: Chị Vũ Thị Ngọc A tự nguyện nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

đ. ***Về án phí cấp dưỡng***: Chị Vũ Thị Ngọc A tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mười nghìn đồng). được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/ 0001568 ngày 02/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng phải thanh toán khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi xuất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND. TPNB;*
- *Chi cục THA TPNB;*
- *UBND xã H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu án văn./.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lâm Thị Thanh Nhàn